

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ngày 16 tháng 5 năm 2023

VĂN BẢN GÓP Ý CỦA CÁC HIỆP HỘI

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường
Các thành viên Hội đồng EPR Quốc gia
Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI)

(V/v: Góp ý đối với Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành định mức chi phí tái chế hợp lý, hợp lệ đối với một đơn vị khối lượng sản phẩm, bao bì và chi phí quản lý hành chính phục vụ quản lý, giám sát, hỗ trợ thực hiện trách nhiệm thu gom, xử lý chất thải của nhà sản xuất, nhập khẩu; và một số đề xuất để triển khai đóng góp tài chính cho trách nhiệm tái chế trong EPR được hiệu quả, giảm thiểu khó khăn cho doanh nghiệp trong tình hình hiện nay).

Các Hiệp hội doanh nghiệp chúng tôi, đại diện cho nhiều ngành kinh tế chủ chốt của Việt Nam, luôn cam kết ủng hộ Bộ Tài nguyên và Môi trường trong các nỗ lực bảo vệ môi trường, cũng như đẩy mạnh việc tái chế sản phẩm, bao bì để thúc đẩy phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam.

Chúng tôi xin cảm ơn Vụ Pháp chế (Bộ Tài nguyên và Môi trường) đã dành toàn bộ thời gian chiều ngày 21/4/2023 để giải đáp các câu hỏi và thảo luận với các Hiệp hội về những vướng mắc trong việc thực thi trách nhiệm tái chế hiện nay.

Phúc đáp Văn bản số 2885/BTNMT-PC ngày 26/4/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc góp ý dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành định mức chi phí tái chế hợp lý, hợp lệ đối với một đơn vị khối lượng sản phẩm, bao bì; chi phí quản lý hành chính phục vụ quản lý, giám sát và hỗ trợ thực hiện trách nhiệm thu gom, xử lý chất thải của nhà sản xuất, nhập khẩu (sau đây gọi tắt là “Dự thảo”), chúng tôi xin gửi tới các Quý cơ quan một số góp ý như sau:

A. DỰ THẢO ĐỊNH MỨC CHI PHÍ TÁI CHẾ (Fs) CÓ NHIỀU ĐỊNH MỨC CAO BẤT HỢP LÝ DO CHƯA TRỪ ĐI GIÁ TRỊ SẢN PHẨM THU HỒI ĐƯỢC THEO NGUYÊN TẮC KINH TẾ TUẦN HOÀN, DỮ LIỆU CÓ NHIỀU BẤT CẬP:

1. Các nghiên cứu tham vấn có kết quả khác xa nhau, ảnh hưởng tới độ tin cậy:

a. Hai nghiên cứu được dùng để tính Fs có sự khác nhau rất lớn:

Theo Tài liệu thuyết minh đính kèm Dự thảo, Fs được tính là giá trị trung bình giữa hai kết quả: (1) Đề xuất của các chuyên gia Tổ chức IFC và WWF (sau đây gọi tắt là “IFC/WWF”) và (2) Đề xuất của Hiệp hội tái chế chất thải Việt Nam (gọi tắt là “HHTC”). Hai đề xuất này có sự khác nhau rất lớn về các chi phí cấu thành (chi tiết ở Phụ lục 3 đính kèm), ví dụ:

- Về chi phí thu gom: Bao bì nhôm của HHTC cao gấp 10 lần IFC/WWF (15.000đ/kg so với 1.500đ/kg), chi phí thu gom ắc quy chì của HHTC cao gấp 6 lần của IFC/WWF

(30.000đ/kg so với 5.000đ/kg), hay chi phí thu gom thiết bị điện - điện tử (trừ bóng đèn) của HHTC cao gấp từ 5 đến gần 11 lần của IFC/WWF (?).

- Về chi phí vận chuyển: Bao bì giấy của IFC/WWF cao gấp gần 2 lần so với HHTC, trong khi đó bao bì PET cứng của HHTC lại cao gấp 2 lần của IFC/WWF, ắc quy chì của HHTC cao gấp 2,5 lần của IFC/WWF (?).

- Thêm vào đó, chi phí xử lý tái chế của IFC/WWF trong Tài liệu thuyết minh (công bố ngày 26/4/2023) cũng thay đổi rất lớn so với số liệu của chính IFC/WWF trình bày trong Hội thảo tham vấn xây dựng định mức tái chế do Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức ngày 23/03/2023 tại Hà Nội, cụ thể là: Bao bì nhôm bị điều chỉnh tăng từ 720% đến 1.000% (1800-2500 đ/kg tăng lên 18000đ/kg), bao bì nhựa PET cứng bị điều chỉnh tăng 400% (từ 1600-2300 đ/kg lên 8000đ/kg), ắc quy chì bị điều chỉnh tăng 400% (10.000đ/kg lên 40.000 đ/kg), phương tiện giao thông bị điều chỉnh tăng 416% (xe mô tô từ 1000-1200 đ/kg lên 5000 đ/kg) đến 750% (xe, máy chuyên dùng từ 600-1000 đ/kg lên 7500 đ/kg). Số liệu của cùng một đơn vị tham vấn được điều chỉnh mức tăng nhiều đến vậy cần được làm rõ nguyên nhân.

- Nhiều Fs đề xuất không phải là giá trị trung bình, ví dụ như Fs của nhôm do IFC/WWF đề xuất là 20.000đ/kg, trong khi HHTC đề xuất là 7.000đ/kg (?).

Trong khi đó, Thuyết minh Dự thảo cũng chưa phân tích, chỉ rõ nguyên nhân tạo ra khoảng cách khác biệt quá lớn giữa kết quả khảo sát của nhóm IFC/WWF và HHTC như nêu trên.

b. Fs đề xuất là chưa thực sự hợp lý khi chỉ tính trung bình của 2 nghiên cứu có đề xuất Fs cao nhất, bỏ qua 2 nghiên cứu khác có Fs thấp hơn nhiều, và cao hơn nhiều so với mức trung bình của các nước:

Bảng so sánh dưới đây cho thấy Fs của dự thảo của một số vật liệu chủ yếu là:

- cao hơn Fs đề xuất bởi Đại học kinh tế quốc dân¹ từ 3,6 lần (cho giấy) đến 10,3 lần (cho nhôm);

- cao hơn Fs theo mức trung bình của các nước khác dựa trên phương pháp so sánh thị trường của Liên minh tái chế Bao bì Việt nam (PRO)² từ 1,4 lần (cho giấy) đến 4,9 lần (cho nhôm).

Liệu có hợp lý khi dự thảo chỉ sử dụng 2 nghiên cứu có đề xuất Fs cao nhất để tính Fs trung bình, và bỏ qua 2 nghiên cứu có đề xuất Fs thấp hơn, và mức Fs đề xuất cao hơn nhiều mức trung bình của các nước (?)

Bảng 1: So sánh Fs đề xuất bởi Dự thảo, của Đại học Kinh tế quốc dân và của Liên minh tái chế bao bì Việt nam PRO (đồng/kg)

Đơn vị đề xuất Tên vật liệu	Dự thảo	Đại học Kinh tế quốc dân	PRO <i>(phương pháp so sánh thị trường, mức trung bình)</i>	PRO <i>(phương pháp tính toán, mức trung bình)</i>
Giấy	2.750	750	1.900	2300
Giấy hỗn hợp	10.815	750	2.500	5050

¹ <https://khoamoitruongdothi.neu.edu.vn/vi/cong-trinh-nckh/determine-financial-contribution-responsibility-in-the-implementation-of-extended-producer-responsibility-epr-policy-in-vietnam>

² <https://drive.google.com/drive/folders/1cprs7fhRCdnrmj6Jo2QVGstKd9R584yT>

Đơn vị đề xuất Tên vật liệu	Dự thảo	Đại học Kinh tế quốc dân	PRO <i>(phương pháp so sánh thị trường, mức trung bình)</i>	PRO <i>(phương pháp tính toán, mức trung bình)</i>
Nhựa HDPE cứng	5.794	700	4.750	3750
Nhôm	6.180	600	1.250	2550
Sắt thép	4.378	600	1.750	2550

2. Fs đề xuất chưa theo nguyên tắc kinh tế tuần hoàn do chưa trừ đi giá trị vật liệu thu hồi được:

Công thức tính Fs hiện nay hoàn toàn bỏ qua yếu tố lợi nhuận của doanh nghiệp tái chế từ vật liệu tái chế, hay giá trị thu hồi của bao bì.

a. Đối với vật liệu có giá trị thu hồi cao như sắt thép, nhôm, bao bì giấy, chai nhựa cứng, phương tiện giao thông: các nhà tái chế các vật liệu này đều có lãi, do giá trị vật liệu thu hồi được cao hơn chi phí tái chế, các vật liệu này đang tạo công ăn việc làm và lợi nhuận cho nhiều người lao động và doanh nghiệp tái chế, và hầu như được thu gom hết nên rất ít có nguy cơ với môi trường. Do vậy, nếu yêu cầu nhà sản xuất đóng góp để hỗ trợ nhà tái chế khi đơn vị tái chế đang có lãi là chưa hợp lý (vui lòng xem Phụ lục 1 đính kèm).

Trong Fs đề xuất của Bộ Tài nguyên và Môi trường đã đưa ra hệ số 0,3 cho giấy, chai PET, nhôm; hệ số 0,5 cho sắt thép để giảm bớt Fs cho các vật liệu có giá trị thu hồi cao. Tuy nhiên, với các bao bì, sản phẩm mà giá trị vật liệu thu hồi được cao hơn chi phí tái chế thì hệ số này phải bằng 0 theo nguyên tắc kinh tế tuần hoàn.

Kinh nghiệm EPR của các nước tiên tiến như Na Uy, Đan Mạch đã cho thấy với các vật liệu có giá trị thu hồi cao, các nhà sản xuất không phải đóng tiền hỗ trợ tái chế, như tại Đan Mạch, việc tái chế chai và lon đã đạt tới mức chi phí EPR = 0 trong năm 2023, tức 100% kinh tế tuần hoàn³. Tại Na Uy, các nhà sản xuất lon nhôm còn được nhận 0,06 NOK (khoảng 133 đồng)/1 lon từ quỹ tái chế thay vì việc đóng góp tái chế⁴.

Tại Hội thảo, Bộ Tài nguyên & Môi trường có giải thích vì Fs không tính giá thu mua phế liệu nên không trừ đi giá trị vật liệu thu hồi. Chúng tôi cho rằng giải thích như vậy là chưa hợp lý vì:

- Fs là tiền đóng góp để hỗ trợ tái chế. Với các vật liệu có giá trị tái chế cao hiện nay đơn vị tái chế dù đang trả tiền thu mua phế liệu nhưng vẫn có lãi (Phụ lục 1) thì tại sao phải cần hỗ trợ?

- Với giá trị vật liệu thu hồi được cao hơn chi phí tái chế, các hiệp hội không đề nghị nhà tái chế phải chuyển lại một phần lợi nhuận cho nhà sản xuất (giống như trường hợp lon nhôm ở Na Uy), mà chỉ đề nghị Fs = 0 để tiền hỗ trợ là 0. Với giá trị vật liệu thu hồi được thấp hơn chi phí tái chế, tức nhà tái chế bị lỗ, thì nhà sản xuất sẽ đóng góp để hỗ trợ nhà tái chế.

b. Đối với phương tiện giao thông: hệ số điều chỉnh 1.0 (tức không điều chỉnh) là chưa hợp lý:

³ <https://stateofgreen.com/en/news/danish-deposit-system-reaches-full-economic-circularity/>

⁴ <https://www.reloopplatform.org/wp-content/uploads/2019/03/INFINITUM.pdf>

- Thuyết minh Dự thảo xếp loại phương tiện vào *nhóm sản phẩm chưa có công nghệ tái chế phổ biến ở Việt Nam*. Nội dung này chưa phù hợp với Dự thảo do Dự thảo đang tính định mức chi phí tái chế cho phương tiện giao thông được tạm tính trên cơ sở tháo dỡ, phân loại thiết bị và tái chế sắt, thép. Theo đó, phạm vi tái chế được hỗ trợ chỉ giới hạn ở hoạt động tháo dỡ, phân loại thiết bị và tái chế sắt, thép – đây là các hoạt động hiện nay đã có công nghệ xử lý ở Việt Nam. Các công nghệ tái chế đối với các sản phẩm phức tạp ngoài sắt, thép chưa phổ biến ở Việt Nam hiện chưa bao gồm trong cách tính chi phí tái chế được đề xuất tại Dự thảo.

- Thuyết minh Dự thảo giải thích sản phẩm áp dụng hệ số 1.0 để *khuyến khích doanh nghiệp tái chế chính thức (được cấp giấy phép môi trường trong xử lý chất thải nguy hại) có thể cạnh tranh, thu mua được phế liệu tương ứng làm đầu vào cho hoạt động sản xuất* cũng chưa hợp lý do chi phí để tính Fs trong Dự thảo hiện không bao gồm chi phí thu mua.

- Thuyết minh Dự thảo giải thích hệ số điều chỉnh khuyến khích *nhà sản xuất chuyển hướng sang sử dụng các vật liệu có thể được phân loại, tái chế dễ dàng hơn thì sẽ có định mức chi phí tái chế thấp hơn*. Tuy nhiên, điều này chưa được thể hiện trong dự thảo khi hệ số điều chỉnh ở mức cho các sản phẩm như màn hình, phương tiện giao thông có thành phần chính là kim loại, nhựa... đều là những vật liệu dễ dàng tái chế.

3. Chi phí quản lý hành chính không phù hợp với quy định tại Luật Bảo vệ Môi trường và Nghị định 08/2022/NĐ-CP:

Hiện Điều 3 của Dự thảo quy định: “Fs bao gồm cả chi phí quản lý hành chính 3%.” Điều 4 quy định: “Fs bao gồm 3% là chi phí quản lý hành chính hỗ trợ xử lý chất thải”.

Đề xuất: Bỏ chi phí quản lý hành chính ra khỏi Fs.

Lý do đề xuất: Điểm b, khoản 4, Điều 54 của Luật Bảo vệ môi trường quy định: “*Đóng góp tài chính được sử dụng để hỗ trợ cho hoạt động tái chế sản phẩm, bao bì quy định tại Khoản 1 điều này*”. Như vậy, rõ ràng Luật Bảo vệ môi trường không quy định khoản đóng góp này được dùng để chi trả cho chi phí quản lý hành chính. Mặt khác, Điều 82 Nghị định 08/2022/NĐ-CP đã quy định khoản tiền cho chi phí này là từ lãi tiền gửi ngân hàng của khoản đóng góp, chứ không phải trích trực tiếp từ khoản đóng góp: “*Lãi tiền gửi ngân hàng của số tiền đóng góp tài chính vào Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam được sử dụng cho chi phí quản lý hành chính phục vụ quản lý, giám sát và hỗ trợ thực hiện trách nhiệm tái chế của nhà sản xuất, nhập khẩu*”.

Số tiền đóng góp là nhiều ngàn tỷ mỗi năm, lãi ngân hàng hiện nay 8% của số tiền này cũng lên tới nhiều trăm tỷ mỗi năm, hoàn toàn đủ để trả chi phí hành chính cho Hội đồng EPR và văn phòng EPR Quốc gia, theo quy định của Nghị định 08/2022/NĐ-CP là làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, đã được hưởng lương chính từ Ngân sách nhà nước, chỉ hưởng thêm phụ cấp kiêm nhiệm.

Ngoài ra, mức chi phí hành chính 3% mà dự thảo đưa ra sẽ là một khoản tiền rất lớn:

- Giả sử khối lượng các loại bao bì là như nhau, chi phí Fs trung bình là 5207.75VND/kg. Chi phí hành chính = 3%*5207.75 = 156.2 VND/kg.

- Một hiệp hội đã làm một khảo sát nội bộ và kết quả khối lượng sản phẩm Hiệp hội này phải thực hiện tái chế/năm khoảng là 700.000.000kg/năm

- Vậy chi phí hành chính của riêng các thành viên Hiệp hội này phải trả là:

$$700.000.000 * 156 = 109.2 \text{ tỷ/năm.}$$

- Thêm vào đó còn rất nhiều doanh nghiệp, hiệp hội khác, vậy chi phí quản lý hành chính phải nộp sẽ là rất lớn so với chức năng nhiệm vụ của Hội đồng EPR và Văn phòng EPR Quốc gia, chưa kể đến nhiều trăm tỷ tiền lãi ngân hàng cũng được sử dụng cho mục đích này.

4. Nguy cơ tác động tiêu cực tới giá cả và người tiêu dùng:

- Nhiều đề xuất Fs rất cao, nguy cơ gây tăng giá lớn. Ví dụ giá có thể tăng thêm 1,36% với nước uống đóng chai; 0,6% với bia lon; 0,2% đối với bạch sữa (Phụ lục 2), gây khó khăn cho doanh nghiệp cũng như cho người tiêu dùng, nhất là trong bối cảnh kinh tế khó khăn hiện nay.

- Việc chi phí chênh lệch nhau gấp nhiều lần cho cùng 1 hạng mục giữa 2 nghiên cứu tham vấn kể trên, một nghiên cứu bị điều chỉnh số liệu tăng nhiều lần giữa 2 lần báo cáo, chỉ dùng 2 nghiên cứu có Fs cao để tính toán, không tính đến 2 nghiên cứu có Fs thấp có thể là nguyên nhân dẫn đến Fs đề xuất cao hơn nhiều so với trung bình các nước như nêu trong nghiên cứu của PRO, sẽ rất bất lợi cho hoạt động của các doanh nghiệp tại Việt Nam.

Vì vậy, các Hiệp hội kiến nghị:

1) Kiểm tra lại tính hợp lý của các số liệu trong các nghiên cứu. Đề xuất cho các Hiệp hội được tiếp xúc với toàn văn 2 nghiên cứu để có góp ý cụ thể. **Đưa thêm các đề xuất Fs từ 2 nghiên cứu của Đại học Kinh tế Quốc dân và Liên minh Tái chế Việt Nam vào xem xét. Chỉ sử dụng các số liệu hợp lý, được thẩm tra kỹ, để tính toán Fs.**

2) Áp dụng hệ số 0 cho các vật liệu có giá trị vật liệu thu hồi được cao hơn chi phí tái chế (như mô hình Na Uy và Đan Mạch), bao gồm bao bì giấy, bao bì nhựa cứng, bao bì kim loại, thiết bị điện - điện tử và phương tiện giao thông.

3) Các vật liệu khác:

$Fs = \text{Chi phí tái chế} \times 110\% - \text{giá trị sản phẩm tái chế thu hồi được.}$

4) Với bao bì giấy hỗn hợp, bao bì đơn vật liệu mềm và đa vật liệu mềm: Kiến nghị sử dụng Fs là mức trung bình đề xuất của Liên minh Tái chế Bao bì Việt Nam (PRO Việt Nam)

- Bao bì giấy hỗn hợp: $2500 \text{ đ/kg} \times 103\% = 2575 \text{ (đ/kg)}$
- Bao bì đơn vật liệu mềm: $3.500 \text{ đ/kg} \times 0,5 \times 103\% = 1802 \text{ (đ/kg)}$
- Bao bì đa vật liệu mềm: $4.250 \text{ đ/kg} \times 103\% = 4378 \text{ (đ/kg)}$

(Chi tiết Fs đề xuất cho các loại bao bì trình bày trong Phụ lục 5 đính kèm).

B. VIỆC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN EPR CẦN HƯỚNG TỚI HIỆU QUẢ VÀ GIẢM BỚT KHÓ KHĂN CHO DOANH NGHIỆP:

1. Kiến nghị trong hai năm đầu tiên (2024 và 2025), tập trung vào hướng dẫn thi hành, chưa áp dụng xử phạt, chỉ truy thu khoản nộp thiếu nếu doanh nghiệp kê khai chưa đủ hoặc chưa đúng, trừ trường hợp cố tình không kê khai hoặc cố tình gian lận:

- EPR là một chính sách rất mới, đa số các nước Châu Á còn chưa áp dụng bắt buộc, việc thực thi cho hàng ngàn loại bao bì, sản phẩm là rất phức tạp, cần hướng dẫn chi tiết, nhiều loại bao bì, sản phẩm còn chưa có công nghệ tái chế, chưa có nhà tái chế nên nhiều doanh nghiệp

không có sẵn giải pháp. Nếu áp dụng ngay việc xử phạt với mức phạt rất cao sẽ rất khó khăn và bất cập cho doanh nghiệp khi doanh nghiệp chưa được hướng dẫn đầy đủ về quy định mới.

- Dù EPR đã được nhắc đến trong Luật Bảo vệ Môi trường năm 2005, nhưng chưa từng có hướng dẫn chi tiết và cũng chưa từng bắt buộc thực hiện. Luật BVMT 2020 là lần đầu tiên yêu cầu bắt buộc thực hiện EPR và Nghị định 08/2022/NĐ-CP và Dự thảo Quyết định Fs là lần đầu tiên đưa ra hướng dẫn cụ thể cho doanh nghiệp, do đó rất cần thời gian để hướng dẫn thực hiện.

2. Kiến nghị cho phép các doanh nghiệp thực hiện kết hợp cả hình thức tự tái chế và nộp tiền hỗ trợ tái chế trong cùng năm, thay vì bắt buộc chọn một trong 2 hình thức:

- Theo hướng dẫn hiện nay, đối với một loại sản phẩm, bao bì, doanh nghiệp chỉ được phép chọn một trong 2 hình thức: hoặc tự tái chế/thuê tái chế; hoặc nộp tiền vào Quỹ BVMT, chứ không được tự tái chế một phần và nộp tiền cho phần còn lại. Thực tế, nhiều loại bao bì, sản phẩm hiện chưa có giải pháp tái chế hiệu quả, ví dụ bao bì giấy hỗn hợp, pin lithium... Các doanh nghiệp vẫn đang tìm giải pháp tái chế phù hợp, quá trình này có thể mất nhiều thời gian để thử nghiệm, và trong khi thử nghiệm, chưa thể xác định được số lượng được tái chế. Hơn nữa, khi chưa có giải pháp tái chế phù hợp, thì Quỹ BVMT cũng không thể hỗ trợ cho giải pháp tái chế từ tiền đóng của DN được. Điều này không phù hợp với thực tiễn, sẽ gây rất nhiều khó khăn cho doanh nghiệp trong quá trình thực hiện, và không khuyến khích được ngành công nghiệp tái chế phát triển.

- Do đó, việc cho phép doanh nghiệp kết hợp cả hình thức tự tái chế và nộp tiền hỗ trợ tái chế là rất cần thiết để khuyến khích doanh nghiệp tìm giải pháp tái chế phù hợp. Việc cho phép này cũng phù hợp với chủ trương của Bộ Tài nguyên và Môi trường đã công bố là khuyến khích doanh nghiệp tự tái chế thay vì nộp tiền vào Quỹ BVMT.

3. Kiến nghị thay đổi cách nộp từ tạm ứng trước vào đầu năm sang quyết toán theo số lượng thực tế khi kết thúc năm, để vẫn thực hiện đầy đủ trách nhiệm với môi trường mà giảm được khó khăn cho doanh nghiệp:

- Việc phải nộp tạm ứng một khoản đóng góp lớn (ước tính lên tới nhiều ngàn tỷ) vào quỹ BVMT từ đầu năm 2024 theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường cho các sản phẩm dự kiến sản xuất, nhập khẩu của năm 2024 (tức là phần lớn chúng còn chưa đưa ra thị trường), mà số tiền này sẽ nằm trong quỹ đến tận cuối năm 2025 mới được giải ngân⁵ trong khi nhiều doanh nghiệp đang rất khó khăn trong sản xuất - kinh doanh, ngân hàng siết chặt cho vay, lãi suất cao, là “khó chòng chੳ” cho doanh nghiệp.

- Vì vậy, chúng tôi kiến nghị thay vì nộp tạm ứng trước khoản đóng góp tái chế vào đầu kỳ (tháng 4/2024), các doanh nghiệp được nộp vào năm 2025 khi đã có quyết toán nhập khẩu và sản xuất thực tế của năm 2024 để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp vượt qua khó khăn, (giống như thuế thu nhập doanh nghiệp hiện nay cũng nộp khi kết thúc kỳ).

- Về vấn đề này, Vụ Pháp chế (Bộ Tài nguyên và Môi trường) đã ghi nhận và cho biết phải trình Chính phủ xem xét. Chúng tôi rất mong muốn Bộ Tài nguyên và Môi trường sẽ cho phép thay đổi này, hoặc trình Chính phủ cho phép, vì việc nộp tiền cho các sản phẩm, bao bì nhập khẩu và sản xuất trong năm 2024 vào năm 2025 là phù hợp với Nghị định 08/2022/NĐ-

⁵ Theo quy định của Bộ TNMT: trước 30/9/2024 ban hành tiêu chí hỗ trợ; trước 30/12/2024 xét duyệt mức hỗ trợ; giải ngân theo khối lượng tái chế thực tế hàng năm, tức đến cuối 2025 mới được giải ngân, trong khi tiền hỗ trợ DN đã bắt đầu đóng từ tháng 4/2024.

CP, Điều 81, khoản 3, mục a quy định “Việc kê khai số tiền đóng góp tài chính được tính theo khối lượng sản xuất, đưa ra thị trường và nhập khẩu sản phẩm, bao bì của năm liền trước”, do đó có thể thay đổi hướng dẫn thi hành Nghị định ở cấp Thông tư.

Thêm vào đó, đề xuất này cũng phù hợp với Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 21/4/2023 của Chính phủ chỉ đạo: “*Hỗ trợ giảm chi phí cho doanh nghiệp*”, “*triển khai quyết liệt, hiệu quả các giải pháp hỗ trợ về thuế, phí, lệ phí, tiền thuê đất...*” để hỗ trợ doanh nghiệp trong giai đoạn đặc biệt khó khăn như hiện nay.

4. Cần có chính sách ưu đãi cho bao bì thân thiện với môi trường hoặc sử dụng vật liệu tái chế:

- Đối với phần bao bì sản phẩm đã sử dụng vật liệu tái chế, đề nghị cần có chính sách và quy định cụ thể về việc ưu đãi miễn giảm trong đóng góp hỗ trợ tái chế để tạo đầu ra cho thị trường vật liệu tái chế và thúc đẩy kinh tế tuần hoàn. Cụ thể, đề nghị đối với *phần bao bì đã sử dụng vật liệu tái chế được tính hệ số điều chỉnh Fs bằng 0* và được tính là doanh nghiệp đã thực hiện trách nhiệm tái chế.

Điều này sẽ khuyến khích doanh nghiệp sử dụng vật liệu tái chế trong bao bì, gia tăng hiệu quả sử dụng tài nguyên, giảm phụ thuộc vào nguồn vật liệu nguyên sinh trong sản xuất, tạo đầu ra cho ngành tái chế và giúp thúc đẩy sự phát triển của ngành tái chế ở Việt Nam, mang tính quyết định trong việc thúc đẩy mô hình kinh tế tuần hoàn.

Tính hợp lý và cần thiết của nội dung này cũng đã được Vụ Pháp chế, Bộ Tài Nguyên Môi trường ghi nhận, đồng thuận và kết luận trong Hội thảo tham vấn xây dựng Fs (ngày 23/3) và Hội thảo về EPR và cơ hội đối với ngành tái chế (ngày 8/4) cũng như trong nhiều cuộc đối thoại khác. Tuy nhiên, điểm này hiện chưa được nêu cụ thể trong văn bản hay quy định nào và sẽ khiến doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn và lúng túng trong quá trình áp dụng, thực hiện và tính toán mức đóng góp vào Quỹ BVMT. Vì vậy, chúng tôi đề nghị cần có quy định cụ thể về nội dung này để hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện.

- Cần xây dựng cơ chế ưu tiên/ khuyến khích đối với các loại *nguyên vật liệu thân thiện với môi trường làm bao bì, cụ thể đề nghị được tính hệ số Fs 0,5*. Một trong hai yếu tố quan trọng của chính sách EPR là cơ chế khuyến khích (incentives) đối với các nhà sản xuất đã cân nhắc các yếu tố bảo vệ môi trường trong thiết kế sản phẩm (design of products). Quan điểm này được tổ chức OCED khuyến nghị, được công nhận và áp dụng rộng rãi trong thực thi chính sách EPR. Ví dụ, năm 2012, Đài Loan đã cho phép giảm 30% phí EPR đối với các sản phẩm được dán nhãn thân thiện với môi trường. Hoặc EU có chính sách giảm từ 50% đến 130% phí EPR đối với các loại bao bì có khả năng tái chế.

5. Một số đề xuất khác:

5.1. Đề nghị quy định rõ trách nhiệm tái chế đối với nhà sản xuất phụ tùng:

Theo quy định, **các doanh nghiệp sản xuất ô tô, xe máy** chịu trách nhiệm tái chế đối với phụ tùng đã gắn trên phương tiện giao thông. Các nhà sản xuất, nhập khẩu phụ tùng rời như dầu nhớt, săm lốp, ắc quy / pin, v.v. phải tái chế các sản phẩm của mình đưa ra thị trường. Tuy nhiên, trên thực tế, doanh nghiệp sản xuất ô tô, xe máy cũng có thể thực hiện phân phối các phụ tùng rời có ghi nhãn hiệu của mình và các phụ tùng này được sản xuất hoặc nhập khẩu bởi một nhà sản xuất hoặc một nhà nhập khẩu trong nước khác. Theo đó, hiện có nhiều cách hiểu và chưa thống nhất về xác định doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm tái chế đối với phụ tùng rời trong tình huống này (phải dựa theo nhãn hiệu gắn trên sản phẩm hay dựa vào tiêu chí sản xuất, nhập khẩu sản phẩm). Trong trường hợp này, đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường

hướng dẫn cụ thể về cách xác định đơn vị phải chịu trách nhiệm tái chế đối với sản phẩm phụ tùng rời nêu trên để doanh nghiệp có cơ sở thực hiện.

5.2. Bất cập khi một số sản phẩm trong nước chưa tái chế được, ví dụ như pin Lithium, bị giới hạn xuất khẩu không quá 20% khối lượng sản phẩm đưa ra thị trường: giới hạn này sẽ tạo ra sự bất cập trong trường hợp doanh nghiệp thu hồi được nhiều hơn ngưỡng quy định nhưng không được xuất khẩu để tái chế và phải giữ lại Việt Nam, điều này vừa gây tổn kém phí lưu trữ vừa gây hại cho môi trường Việt Nam. Do vậy, các Hiệp hội đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường cân nhắc bãi bỏ giới hạn xuất khẩu để đảm bảo tái chế các sản phẩm Việt Nam chưa tái chế được nhằm bảo vệ môi trường.

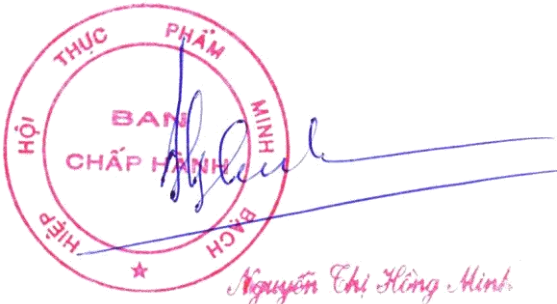
5.3. Đề nghị làm rõ với bao bì chưa có giải pháp tái chế (non-recyclable), được tính theo nghĩa vụ xử lý chất thải hay nghĩa vụ tái chế? Nếu không có sẵn giải pháp tái chế, có phải DN không có lựa chọn mà chỉ có thể đóng tiền để thay thế nghĩa vụ tái chế?

5.4. Cuối cùng, chúng tôi kính đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường đồng ý để các doanh nghiệp, hiệp hội tiếp tục gửi ý kiến đóng góp đến ngày 24/6/2023 (45 ngày từ ngày công bố dự thảo theo quy định hiện hành, thay vì ngày 16/5/2023 như yêu cầu).

Chúng tôi rất mong những ý kiến đóng góp ở trên sẽ được Bộ Tài nguyên và Môi trường, các thành viên Hội đồng EPR Quốc gia và VCCI nghiên cứu, tiếp thu để hoàn chỉnh Dự thảo trình Chính phủ, đồng thời báo cáo, đề xuất với Chính phủ những giải pháp để tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp.

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn và trân trọng kính chào./.

HIỆP HỘI THỰC PHẨM MINH BẠCH
Chủ tịch



Nguyễn Thị Hồng Minh

HỘI LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM TP. HỒ CHÍ MINH
Chủ tịch



Lý Kim Chi

HIỆP HỘI CHẾ BIẾN & XUẤT KHẨU THỦY SẢN VIỆT NAM
Tổng thư ký



Trương Đình Hòa

HIỆP HỘI SỮA VIỆT NAM
Chủ tịch



Trần Quang Trung

**HỘI DOANH NGHIỆP HÀNG VIỆT NAM
CHẤT LƯỢNG CAO**

Chủ tịch



Vũ Kim Hạnh

**HIỆP HỘI BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI
KHÁT VIỆT NAM**

Phó Chủ tịch kiêm Tổng thư ký



Chu Thị Vân Anh

HIỆP HỘI DỆT MAY VIỆT NAM

Phó Chủ tịch kiêm Tổng thư ký



Trương Văn Cẩm

**HIỆP HỘI CÁC DOANH NGHIỆP
HOA KỲ TẠI VIỆT NAM**

Chủ tịch



Greg Testerman

HIỆP HỘI GỖ VÀ LÂM SẢN VIỆT NAM

Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký



Ngô Sỹ Hoài

HIỆP HỘI CHÈ VIỆT NAM

Tổng thư ký



Hoàng Vĩnh Long

HIỆP HỘI CÁC NHÀ SẢN XUẤT

XE MÁY VIỆT NAM

Chủ tịch



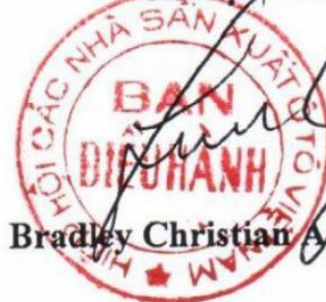
Koji Sugita

Chủ tịch

HIỆP HỘI CÁC NHÀ SẢN XUẤT

Ô TÔ VIỆT NAM

Chủ tịch VAMA



Bradley Christian Anthony Kelly

HIỆP HỘI NHỰA VIỆT NAM
Chủ tịch



Hồ Đức Lam

HỘI DOANH NGHIỆP SX & KD
THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT VIỆT NAM
Chủ tịch



CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Sơn

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu các Hiệp hội.

PHỤ LỤC 1

ĐỮ LIỆU THAM KHẢO VỀ CHI PHÍ TÁI CHẾ VÀ GIÁ BÁN SẢN PHẨM TÁI CHẾ

Loại bao bì	Tổng chi phí tái chế (đ/kg)	Giá bán sản phẩm tái chế (đ/kg)
Bao bì đơn vật liệu mềm (VD túi ni-lon) (nhựa giá trị thấp)	7450	Chưa có số liệu.
Bao bì giấy hỗn hợp	10500	Chưa có số liệu.
Bao bì PET cứng (nhựa giá trị cao)	10750	15.000-16.000 (nhựa mảnh)
Giấy carton	8900	12.800
Bao bì sắt/thép	8500	15.200
Bao bì nhôm	20000	54.000

PHỤ LỤC 2

MỨC ĐỘ ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CẢ THEO Fs ĐỀ XUẤT

Tên mặt hàng	Giá bán buôn	Fs đề xuất	Đóng góp tái chế (đ)	% tăng giá
Nước đóng chai PET 500 ml	3750	3322	51 (0.22x0.070x3322)	1,36%
Lon bia 330ml	9600	6180	41 (0.22 x 0.030 x 6180)	0,6%
Bịch sữa giấy hỗn hợp 110ml	4270	10815	9 0.15 x 0.0055 x 10815	0,2%

PHỤ LỤC 3

SỰ KHÁC BIỆT LỚN VỀ CHI PHÍ CỦA IFC/WWF SO VỚI HHTC

	IFC/WWF	HHTC	Nhận xét
Chi phí thu gom, phân loại			
Bao bì giấy	800	1500	HHTC cao gấp 1,9 lần
Bao bì nhôm	1500	15000	HHTC cao gấp 10 lần
Bao bì PET cứng	1000	2000	HHTC cao gấp 2 lần
Ắc quy chì	5000	30.000	HHTC cao gấp 6 lần
Thiết bị điện-điện tử (trừ bóng đèn)	1000-1500	6000-13000	HHTC cao gấp 5-10,8 lần
Chi phí vận chuyển			
Bao bì giấy	500	300	IFC cao hơn 1,7 lần
Bao bì PET cứng	500	1000	HHTC cao gấp 2 lần
Ắc quy chì	2000	5000	HHTC cao gấp 2,5 lần
Thiết bị điện-điện tử (trừ bóng đèn)			Phần lớn giống nhau là 1000đ/kg, trừ máy tính để bàn và điện thoại di động HHTC cao gấp 2 lần. Nghịch lý là các thiết bị rất gọn gàng và dễ vận chuyển, đáng lẽ chi phí vận chuyển phải rẻ hơn hàng cồng kềnh như bao bì giấy, nhưng trong báo cáo lại có chi phí vận chuyển cao gấp 2-3 lần (chi phí vận chuyển bao bì giấy chỉ là 300-500đ/kg)
Phương tiện giao thông			Giống nhau là 500-1000đ/kg. Nghịch lý là chi phí vận chuyển chúng lại cao hơn nhiều so với hàng cồng kềnh như bao bì giấy.
Chi phí xử lý tái chế			
Bao bì nhựa mềm đơn lớp	8500	3900	HHTC thấp hơn 2 lần, nhưng so với số liệu báo cáo trước đây của IFC (1600-2000) thì HHTC cao gấp 2 lần
Bao bì nhựa mềm đa lớp	9000	3200	HHTC thấp hơn 3 lần, nhưng so với số liệu báo cáo trước đây của IFC (2000-2500) thì HHTC cao gấp 1,5 lần

PHỤ LỤC 4

CÓ SỰ TĂNG RẤT LỚN CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÁI CHẾ CỦA IFC TRONG THUYẾT MINH GỬI THỦ TƯỚNG SO VỚI BÁO CÁO TRONG HỘI THẢO NGÀY 23/03/2023

Định mức nhóm chi phí chung (chi phí hoạt động tái chế)	Số liệu trong hội thảo 23/3/2023	Số liệu trong tờ trình Thủ tướng	Nhận xét
Bao bì giấy	5000-7000	8000	Bị điều chỉnh tăng 114- 160%
Bao bì nhôm	1800-2500	18000	Bị điều chỉnh tăng 720%-1000%
Bao bì nhựa cứng	2000	8000	Bị điều chỉnh tăng 400%
Ắc quy chì	29625	40.000	Bị điều chỉnh tăng 600%
Thiết bị điện-điện tử (trừ bóng đèn)	1000-2500	5000-20000	Bị điều chỉnh tăng 400-1000% (thiết bị nhiệt lạnh) đến 1000%-20000% (thiết bị nhỏ và vừa)
Phương tiện giao thông	600-1200	5000-7500	Bị điều chỉnh tăng 416% (xe mô tô) đến 750% (xe, máy chuyên dùng)

PHỤ LỤC 5

CÁC ĐỀ XUẤT Fs

Mã	Loại bao bì/sản phẩm	IFC/WWF	HHTC	Fs đề xuất x hệ số	IFC/WWF <i>(chi phí tái chế trong báo cáo 23/3/23 + thu gom + vận chuyển trong báo cáo 28/4/23)</i>	PRO <i>(trung bình của phương pháp tính toán)</i>	PRO <i>(trung bình của pp so sánh thị trường)</i>	Đại học Kinh tế Quốc dân	Các HH đề xuất
A.1.1	Bao bì giấy carton	9300	9.300	8900 x 0.3 x 103% = 2750	Không rõ. Nếu lấy chi phí trong báo cáo 23/3/23 (10000) – tiền mua phế liệu (5000) = 5000	2.300	1.900	750	0 (đã có lãi, không cần hỗ trợ)
A.1.2	Bao bì giấy hỗn hợp	10900	11700	10500 x 103%=10815	9700	5050	2.500	750	2500 x 103%=2575
A.2.1	Bao bì nhôm	20000	7000	20000 x 0,3 x 103% = 6180	3800-4500	2550	1250	600	0 (đã có lãi)
A.2.2	Sắt/thép	8500	8500	8500 x 0.5 x 103% = 4378	7000-8500	2550	1750	600	0 (đã có lãi)
A.3.1	Bao bì PET cứng	9500	9500	10750 x 0.3 x 103% = 3322	3100-3800	3750	4750	700	0 (đã có lãi)
A.3.2	Bao bì HDPE LDPE, PP, PS cứng	9500	11500	11250 x 0.5 x 103% = 5794	4100	3500-4000	4500-5000	800	0 (đã có lãi)

Mã	Loại bao bì/sản phẩm	IFC/WWF	HHTC	Fs đề xuất x hệ số	IFC/WWF <i>(chi phí tái chế trong báo cáo 23/3/23 + thu gom + vận chuyển trong báo cáo 28/4/23)</i>	PRO <i>(trung bình của phương pháp tính toán)</i>	PRO <i>(trung bình của pp so sánh thị trường)</i>	Đại học Kinh tế Quốc dân	Các HH đề xuất
A.3.6	Bao bì đơn vật liệu mềm			7450 x 103%=7674		2500-4500			3500x 0,5x 103% = 1802
A.3.7	Bao bì đa vật liệu mềm			7350 x 103% = 7571		3500-5000			4250 x103%= 4378
B.1.1	Ắc quy chì	47000	50000	56000 x 0.5 x 103%=28840	17000	Chưa có	Chưa có	1400	Xem xét Fs của Đại học KTQD
Đ.1.1	Tủ lạnh, tủ đông	12500	12500	18250 x 0,5 x 103% = 9399	4000-4500	Chưa có	Chưa có	3200	0 (đã có lãi)
E.1.1 E.1.2.	Mô tô, xe gắn máy	5600	5600	5600 x 1.0 x 103% = 5768	1600-1800	Chưa có	Chưa có	650.000/ chiếc	0 (đã có lãi)
E.1.3 E.1.4 E.1.5	Ô tô	8500	8500	8500 x 1,0 x 103% = 8755	1670-2050	Chưa có	Chưa có	2000.000/ chiếc	0 (đã có lãi)